TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Sâm

2. Bà Nguyễn Thị Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh ngày 24/9/1982; CCCD số 044182003160, cấp ngày 11/02/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố F, xã H, tỉnh Quảng Trị (nay là Thôn D, xã H, tỉnh Quảng Trị). Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh ngày 22/02/1981; CCCD số 038081028443, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 6, xã H, tỉnh Quảng

Trị (nay là Thôn D, xã H, tỉnh Quảng Trị). Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Jiù shè lù 1 - 62, Kuàn hé, X yàn, Đài Loan. Anh T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/01/2026, bản tự khai ngày 05/02/2026, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 08/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc xã H, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Hoàng D, sinh ngày 11/7/2005 và cháu Vũ Hoàng Gia P, sinh ngày 25/01/2017. Cháu D đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung chị đề nghị Tòa án xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Bản tự khai đề ngày 05/02/2026, chị L có yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và xin vắng mặt trong quá trình tố tụng, cùng Đơn trình bày được chứng thực tại Văn phòng K tại Đ ngày 02/7/2026, bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Anh xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án. Hiện anh đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, điều kiện đi lại khó khăn nên không thể trực tiếp có mặt tại Tòa án. Anh đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và xét xử vụ án, đồng thời đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử sớm để hai bên ổn định cuộc sống.

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung, anh Vũ Văn T thống nhất với nội dung chị Hoàng Thị L đã trình bày. Đối với con chung là cháu D đã trưởng thành, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung là cháu Vũ Hoàng Gia P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng

ý mức cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Tòa án. Về tài sản, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 08/5/2026, cháu Vũ Hoàng G P trình bày: Cháu là con của mẹ Hoàng Thị L và bố Vũ Văn T; từ nhỏ đến nay cháu sống với mẹ, cuộc sống đã ổn định nên khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án thể hiện:

Ngày 06/5/2026, Tòa án nhận được Công văn số 113/CAX đề ngày 28/01/2026 của Công an xã H về việc xác minh thông tin công dân Vũ Văn T có đăng ký thường trú tại Tổ dân phố F, xã H, tỉnh Quảng Trị; hiện không sinh sống, làm việc tại địa phương, chưa rõ đi đâu, làm gì.

Ngày 06/3/2026, Tòa án nhận được Công văn số 534/PA08-Đ1 đề ngày 0402/2026 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q thể hiện thông tin: Anh T có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 04/7/2023 qua SBQT Nội B và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đăng tin trên Ban Đ (V), đã thực hiện việc thông báo theo quy định đối với anh Vũ Văn T. Anh T đã gửi về Tòa án Bản tự khai và Đơn trình bày có chứng thực của Văn phòng K tại Đ.

Ngày 21/7/2026, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Do anh T vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án lập Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, thông báo cho bị đơn và xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đang ở nước ngoài, có ý kiến trình bày được chứng thực tại Văn phòng K tại Đ và có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, xét xử, đồng thời đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử sớm để hai bên ổn định cuộc sống. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn T.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ việc từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành

đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự trong vụ án đã tiến hành làm bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến yêu cầu đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L; cho chị L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

+ Đối với con chung là cháu D đã trưởng thành, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng không xem xét. Đề nghị giao con chung là cháu Vũ Hoàng Gia P, sinh ngày 25/01/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu P 3.000.000 (ba triệu đồng) đồng/tháng kể từ tháng 9/2026.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

+ Về án phí: Án phí, chi phí tố tụng khác: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị L chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định. Anh T chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Vũ Văn T. Anh T có nơi đăng ký thường trú và cư trú trước khi xuất cảnh tại Tổ dân phố F, xã H, tỉnh Quảng Trị; hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Theo xác nhận của Phòng Q Công an tỉnh Q, anh T xuất cảnh lần gần nhất ngày 04/7/2023 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Do bị đơn đang ở nước ngoài nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã có Bản tự khai và Đơn trình bày được chứng thực tại Văn phòng K tại Đ ngày 02/7/2026, xác nhận đã nhận được các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, thể hiện đầy đủ ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và đề

nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, xét xử. Tòa án đã tiến hành thông báo theo quy định và thực hiện việc công khai chứng cứ. Do anh T vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[1.3] Nguyên đơn chị Hoàng Thị L và bị đơn anh Vũ Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 và các quy định về thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc xã H, tỉnh Thanh Hóa), nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả; vợ chồng sống xa cách kéo dài, anh T hiện sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn; anh T cũng đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Vũ Văn T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là cháu Vũ Hoàng D, sinh ngày 11/7/2005 và cháu Vũ Hoàng Gia P, sinh ngày 25/01/2017. Cháu D đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Vũ Hoàng Gia P: Hiện cháu đang sống ổn định cùng chị L; chị L có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T đồng ý giao cháu P cho chị L nuôi. Tại Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 08/5/2026, cháu Vũ Hoàng G P trình bày: Từ nhỏ đến nay cháu sống với mẹ, cuộc sống đã ổn định nên khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung chị L đề nghị Tòa án xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Bản tự khai đề ngày 05/02/2026, chị L có yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn). Anh T hiện đang ở nước ngoài, tại bản tự khai và Đơn trình bày được chứng thực tại Văn phòng K tại Đ ngày 02/7/2026 của anh T đồng ý giao con chung là cháu Vũ Hoàng Gia P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Tòa án.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Vũ Hoàng Gia P đang ở với chị L, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị L, ý kiến của anh T đều nhất trí giao con chung là cháu P cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với ý kiến của cháu P xin được ở với mẹ L sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển của các cháu P cả về mặt vật chất, tinh thần, việc học hành, cuộc sống hàng ngày của cháu P không bị xáo trộn. Cần giao con chung là cháu cháu Vũ Hoàng Gia P, sinh ngày 25/01/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ nhu cầu thiết yếu của cháu P, điều kiện thực tế và quy định pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng, có cơ sở buộc anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Hoàng Gia P số tiền 3.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 9/2026 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chị Nguyễn Thị L1 và anh Vũ Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Văn T phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[4] Về chi phí tố tụng, tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Chị Hoàng Thị L tự nguyện chịu số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài VOV5 và chi phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài. Chị L đã nộp đủ và đã chi phí xong.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 160, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Đối với con chung là cháu Vũ Hoàng D, sinh ngày 11/7/2005, đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung là cháu Vũ Hoàng Gia P, sinh ngày 25/01/2017 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0000296 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Về chi phí tố tụng, tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Chị Hoàng Thị L tự nguyện chịu số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài VOV5 và chi phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài. Chị L đã nộp đủ và đã chi phí xong.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Văn T phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ

ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; trường hợp có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng